

Số: **55** /2016/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày **08** tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, đối tượng thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng
lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí cấp chứng minh nhân dân
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 9677/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quy định mức thu, đối tượng thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn thành phố Đà Nẵng như sau:

1. Đối tượng nộp lệ phí

Đối tượng nộp lệ phí đăng ký cư trú là công dân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết đăng ký cư trú theo quy định của pháp luật về cư trú.

2. Đối tượng miễn và không thu lệ phí

a) Đối tượng miễn thu lệ phí

- Đăng ký cấp lần đầu đối với: cấp sổ hộ khẩu gia đình, sổ tạm trú.

- Trường hợp trước đây chưa được cấp sổ hộ khẩu do không xác định được nơi đăng ký thường trú hoặc đã đăng ký thường trú nhưng chưa được cấp sổ hộ khẩu, nay được cấp sổ hộ khẩu mới theo quy định của Luật Cư trú;

- Chuyển nơi đăng ký thường trú ra ngoài phạm vi quận, huyện và được cấp sổ hộ khẩu mới, trừ trường hợp chuyển cả hộ gia đình;

- Tách sổ hộ khẩu;

- Trường hợp do di dời, giải toả, thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà theo chủ trương của Nhà nước.

b) Đối tượng không thu lệ phí

- Đăng ký cư trú cho các đối tượng là bố, mẹ, vợ, chồng, con dưới 18 tuổi của liệt sỹ; thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh; bà mẹ Việt Nam anh hùng.

- Đăng ký cư trú cho các đối tượng là hộ gia đình thuộc diện hộ nghèo theo chuẩn của thành phố.

3. Mức thu lệ phí và cơ quan thu

a) Mức thu: Mức thu lệ phí đăng ký cư trú theo phụ lục I kèm theo.

b) Cơ quan thu

- Công an phường, xã thu đối với đăng ký tạm trú.

- Công an quận, huyện thu đối với đăng ký thường trú.

Điều 2. Quy định mức thu lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn thành phố Đà Nẵng như sau:

1. Đối tượng nộp lệ phí

Đối tượng nộp lệ phí cấp chứng minh nhân dân là tất cả công dân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đổi hoặc cấp lại chứng minh nhân dân.

2. Đối tượng miễn và không thu lệ phí

a) Đối tượng miễn thu lệ phí

- Cấp mới chứng minh nhân dân (cấp lần đầu).

- Cấp đổi chứng minh nhân dân do chứng minh nhân dân hết thời hạn sử dụng (quá 15 năm kể từ ngày cấp).

b) Đối tượng không thu lệ phí

Cấp chứng minh nhân dân cho bố, mẹ, vợ, chồng, con dưới 18 tuổi của liệt sỹ; thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh.

3. Mức thu lệ phí và cơ quan thu

a) Mức thu: Mức thu lệ phí cấp chứng minh nhân dân theo phụ lục II kèm theo.

b) Cơ quan thu

- Công an quận, huyện.

- Công an thành phố.

Điều 3. Quản lý và sử dụng lệ phí thu được

1. Thu, nộp lệ phí

Thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế; Luật phí và lệ phí và các văn bản chi tiết, hướng dẫn thi hành.

2. Chế độ quản lý và sử dụng lệ phí thu được

Cơ quan thu lệ phí thực hiện nộp toàn bộ tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và bãi bỏ quy định về lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí cấp chứng minh nhân dân tại Khoản 3, Điều 1, Nghị quyết số 73/2008/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2008 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc quy định thu một số loại phí và lệ phí trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban, các tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng Khóa IX, Kỳ họp thứ ba thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2016./.

Nơi nhận:

- UBND QH, Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Bộ Tài chính, Bộ Công an;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- BTV Thành ủy, các cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy;
- ĐB HĐND thành phố, Đoàn ĐBQH thành phố;
- UBND, UBNDTQVN thành phố;
- VP HĐND, VP UBND thành phố;
- Các Sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Quận, huyện ủy; HĐND, UBND, UBNDTQVN các quận, huyện;
- HĐND, UBND các phường, xã;
- Báo ĐN, Báo CATPĐN, Đài PTTH ĐN, Trung tâm THVN (VTV8), Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TH.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Anh

Phụ lục I

Mức thu lệ phí đăng ký cư trú

(Kèm theo Nghị quyết số 55 /2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021, kỳ họp thứ 3)

1. Mức thu đối với việc đăng ký tạm trú (tại Công an phường, xã)

Số TT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu	
			Phường	Xã
1	Đăng ký tạm trú cho cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ	đồng/lần đăng ký	13,000	7,000
2	Cấp lại, đổi sổ tạm trú (trừ trường hợp do di dời, giải toả, thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà theo chủ trương của Nhà nước)	đồng/lần cấp	20,000	10,000
3	Điều chỉnh các thay đổi trong sổ tạm trú, gia hạn tạm trú (trừ trường hợp điều chỉnh lại địa chỉ do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, đường phố, số nhà, xóa tên trong sổ tạm trú).	đồng/lần đính chính	7,000	3,000

2. Mức thu đối với việc đăng ký thường trú (tại Công an quận, huyện)

Số TT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu	
			Quận	Huyện
1	Đăng ký thường trú cho cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu	đồng/lần đăng ký	13,000	7,000
2	Cấp lại, đổi sổ hộ khẩu (trừ trường hợp do di dời, giải toả, thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà theo chủ trương của Nhà nước)	đồng/lần cấp	20,000	10,000
3	Điều chỉnh các thay đổi trong sổ hộ khẩu (trừ trường hợp điều chỉnh lại địa chỉ do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, đường phố, số nhà, xóa tên trong sổ hộ khẩu).	đồng/lần đính chính	7,000	3,000



Phụ lục II

Mức thu lệ phí cấp chứng minh nhân dân

(Kèm theo Nghị quyết số 55 /2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021, kỳ họp thứ 3)

Nội dung thu	Mức thu (đồng/lần cấp)	
	Đối tượng nộp thuộc phường	Đối tượng nộp thuộc xã
Cấp lại, cấp đổi chứng minh nhân dân (không bao gồm tiền ảnh của người được cấp chứng minh nhân dân).	8,000	4,000